

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1528** /TCT-CS
V/v chính sách thuế

Hà Nội, ngày **19** tháng **4** năm 2019

Kính gửi: Cục Thuế tỉnh Hải Dương.

Trả lời công văn số 6699/CT-TTHT ngày 11/12/2018 của Cục Thuế tỉnh Hải Dương đề nghị hướng dẫn về chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

- Khoản 12 Điều 1 Luật thuế TNDN số 32/2013/QH13 (sửa đổi, bổ sung Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12) quy định:

“12. Điều 18 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 18. Điều kiện áp dụng ưu đãi thuế

...4. Trong cùng một thời gian, nếu doanh nghiệp được hưởng nhiều mức ưu đãi thuế khác nhau đối với cùng một khoản thu nhập thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi thuế có lợi nhất.”.

- Tại Điểm b Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định:

“3. Thuế suất 20% trong thời gian mười năm áp dụng đối với:

...

b) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới: Sản xuất thép cao cấp; sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng; sản xuất máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp; sản xuất thiết bị tưới tiêu; sản xuất, tinh chế thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản; phát triển ngành nghề truyền thống.

Doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới vào các lĩnh vực, địa bàn ưu đãi thuế quy định tại các Điểm a, b Khoản này kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 áp dụng thuế suất 17%.”

- Tại Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP nêu trên quy định:

“3. Miễn thuế 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới quy định tại Khoản 3 Điều 15 Nghị định này và thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại khu công nghiệp (trừ khu công nghiệp nằm trên địa bàn có điều kiện - kinh tế xã hội thuận lợi).”

- Tại Khoản 2 và Khoản 14 Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung Nghị định số 218/2013/NĐ-CP) quy định:

“2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 4 như sau:

“1. Thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản, sản xuất muối của hợp tác xã; thu nhập của hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thu nhập từ hoạt động đánh bắt hải sản.

Hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp quy định tại Khoản này và tại Khoản 2 Điều 15 Nghị định này là hợp tác xã đáp ứng tỷ lệ về cung ứng sản phẩm, dịch vụ cho các thành viên là những cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân có hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp theo quy định của Luật Hợp tác xã và các văn bản hướng dẫn.

Thu nhập từ chế biến nông sản, thủy sản được ưu đãi thuế quy định tại Nghị định này phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- Tỷ lệ giá trị nguyên vật liệu là nông sản, thủy sản trên chi phí sản xuất hàng hóa, sản phẩm từ 30% trở lên.

- Sản phẩm, hàng hóa từ chế biến nông sản, thủy sản không thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ trường hợp do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề xuất của Bộ Tài chính.”.

“14. Bổ sung Khoản 3a Điều 15 như sau:

“3a. Áp dụng thuế suất 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.”.

Căn cứ các quy định nêu trên:

- Thu nhập của doanh nghiệp từ dự án đầu tư mới sản xuất, tinh chế thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản được ưu đãi thuế TNDN theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 15 và Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

- Kể từ kỳ tính thuế 2015, thu nhập của doanh nghiệp từ chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản tại địa bàn kinh tế không thuộc địa bàn có điều kiện KTXH khó khăn hoặc địa bàn KTXH đặc biệt khó khăn đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP được áp dụng thuế suất thuế TNDN 15%.

- Theo quy định tại Luật số 32/2013/QH13 (sửa đổi, bổ sung Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12) thì trường hợp doanh nghiệp đáp ứng nhiều điều kiện ưu đãi thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi thuế có lợi nhất tương ứng với một điều kiện ưu đãi.

- Về vấn đề ưu đãi thuế TNDN đối với trường hợp doanh nghiệp đang đáp ứng điều kiện ưu đãi thuế TNDN và có thu nhập của doanh nghiệp từ hoạt động chế biến nông sản, thủy sản, Bộ Tài chính có hướng dẫn tại công văn số 3091/BTC-TCT ngày 08/3/2017 (bản photo kèm theo) theo nguyên tắc lựa chọn ưu đãi có lợi nhất quy định tại Luật thuế TNDN.

- Về xác định nguyên liệu đầu vào của hoạt động chế biến nông sản, thủy sản được ưu đãi thuế TNDN, Bộ Tài chính có hướng dẫn tại điểm 1 công văn số 5181/BTC-TCT ngày 15/4/2016 (bản photo kèm theo).

Đề nghị Cục Thuế tỉnh Hải Dương căn cứ các quy định nêu trên và tình hình thực tế tại doanh nghiệp để hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện đúng quy định. *4/6*

Nơi nhận:

- Như trên;
- PTC/Tr. Cao Anh Tuấn (để báo cáo);
- Vụ PC-TCT;
- Lưu: VT, CS (3b). *7*

**TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
KT. VU TRƯỞNG VỤ CHÍNH SÁCH
PHÓ VU TRƯỞNG**



Nguyễn Quý Trung

Số: 5181/BTC-TCT

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2016

V/v chính sách thuế đối với thu
nhập từ chế biến nông sản, thủy sản.

Kính gửi: Cục thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Bộ Tài chính nhận được một số công văn của Cục Thuế và Doanh nghiệp đề nghị hướng dẫn chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) đối với thu nhập của doanh nghiệp từ hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2015. Liên quan đến vấn đề này, ngày 15/12/2015, Bộ Tài chính đã có công văn số 18646/BTC-TCT xin ý kiến Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Ngày 16/2/2016, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn có công văn số 1083/BNN-QLDN gửi Bộ Tài chính. Trên cơ sở ý kiến của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

- Tại khoản 2, Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định: Thu nhập miễn thuế TNDN như sau:

~~"1. Thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản, sản xuất muối của hợp tác xã, thu nhập của hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thu nhập từ hoạt động đánh bắt hải sản.~~

Thu nhập từ chế biến nông sản, thủy sản được ưu đãi thuế quy định tại Nghị định này phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- Tỷ lệ giá trị nguyên vật liệu là nông sản, thủy sản trên chi phí sản xuất hàng hóa, sản phẩm từ 30% trở lên.

- Sản phẩm, hàng hóa từ chế biến nông sản, thủy sản không thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ trường hợp do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề xuất của Bộ Tài chính."

- Tại khoản 13, Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP nêu trên quy định: Thuế suất thuế TNDN 10% đối với khoản thu nhập sau:

"đ) Thu nhập của doanh nghiệp từ: Trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng; thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn; nuôi trồng lâm sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn; sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng, vật nuôi; sản xuất, khai thác và tinh chế muối, trừ sản xuất muối quy định tại Khoản 1 Điều 4 của Nghị định này; đầu tư bảo quản nông sản sau thu hoạch, bảo quản nông sản, thủy sản

và thực phẩm, bao gồm cả đầu tư để trực tiếp bảo quản hoặc đầu tư để cho thuê bảo quản nông sản, thủy sản và thực phẩm;”

- Tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP nêu trên quy định: Thuế suất thuế TNDN 15% đối với khoản thu nhập sau:

“3a. Áp dụng thuế suất 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.”

- Tại Điều 4 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ về thuế TNDN có quy định:

“...
Hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản của hợp tác xã và của doanh nghiệp ở địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được miễn thuế tại Khoản này và tại Điểm e Khoản 2 Điều 15 Nghị định này được xác định căn cứ theo mã ngành kinh tế cấp 1 của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản quy định tại Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam”.

- Tại điểm a, khoản 3, Điều 4 Thông tư số 83/2014/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng theo Danh mục hàng hóa nhập khẩu Việt Nam có hướng dẫn sản phẩm chưa qua chế biến thành sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường.

Căn cứ các quy định nêu trên và ý kiến của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Tài chính hướng dẫn như sau:

1. Xác định nguyên liệu đầu vào của hoạt động chế biến nông sản, thủy sản được ưu đãi thuế TNDN.

Từ kỳ tính thuế năm 2015, doanh nghiệp có hoạt động chế biến nông sản, thủy sản đáp ứng các điều kiện sau thì được hưởng ưu đãi thuế TNDN đối với thu nhập từ chế biến nông sản, thủy sản:

+ Tỷ lệ giá trị nguyên vật liệu là nông sản, thủy sản trên chi phí sản xuất hàng hóa, sản phẩm (giá thành sản xuất hàng hóa, sản phẩm) từ 30% trở lên. Nguyên liệu đầu vào của hoạt động chế biến nông sản, thủy sản phải là nông sản, thủy sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường (bao gồm cả phụ phẩm của quá trình sơ chế nông sản, thủy sản). Các sản phẩm mới qua sơ chế thông thường là sản phẩm mới được làm sạch, phơi, sấy khô, tách hạt, tách cọng, cắt, xay, băm, bóc vỏ, xay bỏ vỏ, xát bỏ vỏ, vỡ mảnh, đánh bóng hạt, hồ hạt, đóng hộp kín khí hoặc được bảo quản thông thường như bảo quản lạnh (ướp lạnh, đông lạnh), bảo quản bằng hình thức khác không trái những quy định, hướng dẫn hoặc tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật do cơ quan quản lý Nhà nước thuộc Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành.

+ Sản phẩm, hàng hóa từ chế biến nông sản, thủy sản không thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ trường hợp do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề xuất của Bộ Tài chính.

2. Xác định việc ưu đãi thuế TNDN đối với hoạt động chế biến nông sản, thủy sản

(i) Vấn đề thứ nhất: Ưu đãi thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động chế biến nông sản, thủy sản nếu đáp ứng đồng thời các điều kiện ưu đãi.

Theo quy định tại Luật số 71/2014/QH13, Nghị định số 12/2015/NĐ-CP và Thông tư số 96/2015/TT-BTC thì: Từ kỳ tính thuế TNDN năm 2015:

- Thu nhập của doanh nghiệp từ hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản tại địa bàn KTXH đặc biệt khó khăn được miễn thuế TNDN.

- Thu nhập của doanh nghiệp từ hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản tại địa bàn KTXH khó khăn được áp dụng thuế suất thuế TNDN 10% trong suốt thời gian hoạt động.

- Thu nhập của doanh nghiệp từ hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản tại địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện KTXH khó khăn được áp dụng thuế suất thuế TNDN 15% trong suốt thời gian hoạt động.

Theo quy định tại các văn bản nêu trên thì ưu đãi về thuế TNDN áp dụng cho khoản thu nhập của doanh nghiệp từ hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, chế biến nông sản, thủy sản. Do đó, trường hợp doanh nghiệp đang trong thời gian được hưởng ưu đãi thuế TNDN do đáp ứng điều kiện ưu đãi khác thì tiếp tục áp dụng ưu đãi theo điều kiện ưu đãi khác đồng thời được áp dụng ưu đãi thuế TNDN đối với thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng chế biến nông sản, thủy sản theo quy định tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP và Thông tư số 96/2015/TT-BTC.

Ví dụ 1: Năm 2014 doanh nghiệp A có dự án đầu tư mới hoạt động trong lĩnh vực chế biến thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và bắt đầu có thu nhập chịu thuế từ năm 2014. Theo quy định tại Nghị định số 218/2013/NĐ-CP và Thông tư số 78/2014/TT-BTC về thuế TNDN thì DNA sẽ được miễn thuế 2 năm (năm 2014, năm 2015), giảm 50% trong 4 năm tiếp theo (năm 2016 đến năm 2019), áp dụng thuế suất 20% trong 10 năm (bắt đầu từ năm 2014). Theo quy định tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP và Thông tư số 96/2015/TT-BTC thì từ năm 2015 thu nhập từ hoạt động chế biến thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn sẽ được áp dụng thuế suất thuế TNDN 10%. Do vậy năm 2015, DN A có thu nhập từ hoạt động chế biến thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn sẽ được miễn thuế (với mức thuế suất thuế TNDN 10%) và năm 2016 đến năm 2019 sẽ được giảm 50% số thuế phải nộp với mức thuế suất thuế TNDN 10%, từ năm 2020 được áp dụng thuế suất thuế TNDN 10% đến hết thời gian thực hiện dự án.

Ví dụ 2: Doanh nghiệp B hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực chế biến nông sản không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn. DNB đang hưởng ưu đãi thuế TNDN theo Nghị định số 64/2002/NĐ-CP (ưu đãi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước), đến hết kỳ tính thuế năm 2013, DNB đã hết thời gian được hưởng ưu đãi về thuế suất, thời gian được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp đến hết kỳ tính thuế năm 2015. Theo quy định tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP và Thông tư số 96/2015/TT-BTC thì từ năm

2015 thu nhập từ hoạt động chế biến nông sản tại địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn sẽ được áp dụng thuế suất thuế TNDN 15%. Do vậy năm 2015 DNB có thu nhập từ hoạt động chế biến nông sản được giảm 50% số thuế phải nộp với mức thuế suất thuế TNDN 15%. Từ năm 2016 thu nhập từ hoạt động chế biến nông sản được áp dụng thuế suất 15%.

(ii) Vấn đề thứ hai: Ưu đãi thuế TNDN đối với trường hợp thuê gia công chế biến nông sản, thủy sản.

- Trường hợp doanh nghiệp chế biến nông sản, thủy sản trong quá trình chế biến có đi thuê gia công chế biến thì thu nhập từ hoạt động chế biến nông sản, thủy sản của doanh nghiệp thuê gia công được ưu đãi thuế TNDN nếu đáp ứng các điều kiện:

+ Tỷ lệ giá trị nguyên vật liệu là nông sản, thủy sản trên chi phí sản xuất hàng hóa, sản phẩm (giá thành sản xuất hàng hóa, sản phẩm) từ 30% trở lên.

+ Sản phẩm, hàng hóa từ chế biến nông sản, thủy sản không thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ trường hợp do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề xuất của Bộ Tài chính.

- Trường hợp doanh nghiệp nhận gia công chế biến nông sản, thủy sản cho bên đi thuê gia công được hưởng ưu đãi thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động chế biến nông sản, thủy sản nếu đáp ứng các điều kiện:

+ Tỷ lệ giá trị nguyên vật liệu là nông sản, thủy sản do doanh nghiệp nhận gia công trực tiếp đưa vào phục vụ quá trình gia công chế biến tại doanh nghiệp nhận gia công (không bao gồm giá trị nguyên liệu là nông sản, thủy sản của bên đi thuê gia công) trên chi phí sản xuất hàng hóa, sản phẩm (giá thành sản xuất hàng hóa, sản phẩm) của doanh nghiệp nhận gia công từ 30% trở lên.

+ Sản phẩm, hàng hóa từ chế biến nông sản, thủy sản không thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ trường hợp do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề xuất của Bộ Tài chính thì được ưu đãi thuế TNDN.

- Trường hợp doanh nghiệp thương mại thu mua nguyên vật liệu là nông sản, thủy sản về để bán thì thu nhập từ hoạt động kinh doanh nông sản, thủy sản không được hưởng ưu đãi thuế TNDN (không phân biệt có hay không đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 2, Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP nêu trên).

Bộ Tài chính thông báo để các Cục thuế biết và thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các Cục thuế phản ánh về Bộ Tài chính để được giải quyết kịp thời./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ CST;PC;TCDN – BTC;
- Trang thông tin điện tử TCT;
- Các Vụ, đơn vị thuộc TCT;
- Lưu VT, TCT (VT, CS (3b)).



KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn



Ký bởi: Tổng cục Thuế
Địa chỉ: Tổng cục Thuế
Thời gian ký: 10.03.2017 11:20

BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~3091~~ /BTC-TCT

Hà Nội, ngày ~~08~~ tháng 3 năm 2017.

V/v: chính sách thuế đối với thu nhập
từ chế biến nông sản, thủy sản.

Kính gửi: Cục thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Ngày 15 tháng 4 năm 2016, Bộ Tài chính có công văn số 5181/BTC-TCT gửi Cục thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về chính sách thuế đối với thu nhập từ chế biến nông sản, thủy sản. Liên quan đến nội dung hướng dẫn ưu đãi thuế TNDN đối với doanh nghiệp có thu nhập từ chế biến nông sản, thủy sản nếu đáp ứng đồng thời các điều kiện ưu đãi, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

- Tại khoản 2, Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định: Thu nhập miễn thuế TNDN như sau:

"1. Thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản, sản xuất muối của hợp tác xã; thu nhập của hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thu nhập từ hoạt động đánh bắt hải sản.

...

Thu nhập từ chế biến nông sản, thủy sản được ưu đãi thuế quy định tại Nghị định này phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- Tỷ lệ giá trị nguyên vật liệu là nông sản, thủy sản trên chi phí sản xuất hàng hóa, sản phẩm từ 30% trở lên.

- Sản phẩm, hàng hóa từ chế biến nông sản, thủy sản không thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ trường hợp do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề xuất của Bộ Tài chính."

- Tại khoản 13, Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP nêu trên quy định: Thuế suất thuế TNDN 10% đối với khoản thu nhập sau:

"đ) Thu nhập của doanh nghiệp từ: Trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng; thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn; nuôi trồng lâm sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn; sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng, vật nuôi; sản xuất, khai thác và tinh chế muối, trừ sản xuất muối quy định tại Khoản 1 Điều 4 của Nghị định này; đầu tư bảo quản nông sản sau thu hoạch, bảo quản nông sản, thủy sản và thực phẩm, bao gồm cả đầu tư để trực tiếp bảo quản hoặc đầu tư để cho thuê bảo quản nông sản, thủy sản và thực phẩm;"

- Tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP nêu trên có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 quy định: Thuế suất thuế TNDN 15% đối với khoản thu nhập sau:

“3a. Áp dụng thuế suất 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.”

- Tại khoản 12 Điều 1 Luật số 32/2013/QH13 (sửa đổi, bổ sung Điều 18 Luật thuế TNDN năm 2008) có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 quy định: *“4. Trong cùng một thời gian, nếu doanh nghiệp được hưởng nhiều mức ưu đãi thuế khác nhau đối với cùng một khoản thu nhập thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi thuế có lợi nhất”*.

Căn cứ quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên thì, từ kỳ tính thuế năm 2015, doanh nghiệp có hoạt động chế biến nông sản, thủy sản nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 96/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính thì được hưởng ưu đãi thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động chế biến nông sản, thủy sản theo quy định. Trường hợp trong cùng một thời gian, doanh nghiệp vừa được hưởng ưu đãi thuế TNDN do đáp ứng điều kiện về ưu đãi chế biến nông sản, thủy sản, vừa đáp ứng điều kiện ưu đãi khác (ngoài điều kiện về chế biến nông sản, thủy sản) thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi thuế có lợi nhất tương ứng với một điều kiện ưu đãi.

Công văn này thay thế nội dung hướng dẫn việc xác định ưu đãi thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động chế biến nông sản, thủy sản đáp ứng đồng thời các điều kiện ưu đãi nêu tại điểm 2(i) công văn số 5181/BTC-TCT ngày 15/4/2016 của Bộ Tài chính.

Bộ Tài chính thông báo để các Cục thuế biết và thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các Cục thuế phản ánh về Bộ Tài chính để được giải quyết kịp thời. /

Nơi nhận: *✓*

- Như trên;
- Bộ trưởng Đinh Tiến Dũng (để b/c);
- Vụ CST; PC; TCDN – BTC;
- Trang thông tin điện tử TCT;
- Các Vụ, đơn vị thuộc TCT;
- Lưu VT, TCT (VT, CS (3b)). *✓*

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Đỗ Hoàng Anh Tuấn